

Phụ lục 56
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ ĐẠ TỄ

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	95	85	75	65
2	Đất trồng cây lâu năm	80	70	60	50
3	Đất rừng sản xuất	12	10	9	8
4	Đất nuôi trồng thủy sản	95	85	75	65

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Đất ở:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đường 3 tháng 2	
1.1	Đoạn từ cầu sắt Đạ Tẻh đến hết đường vào Bến xe cũ (thửa số 130, TĐĐ 21d)	3.060
1.2	Đoạn từ hết đường vào Bến xe cũ (thửa số 129, TĐĐ 21d) đến ngã tư chợ Đạ Tẻh	3.740
1.3	Đoạn từ ngã tư Chợ Đạ Tẻh đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	6.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1.4	Đoạn từ ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp đến hết đường vào thôn 1C (hẻm 1) (thửa số 240, TBD 21b)	3.675
1.5	Đoạn từ hết đường vào thôn 1C (hẻm 1) (thửa số 194, TBD 21b) đến hết trụ sở Công an huyện (cũ) (thửa số 223, TBD 17c)	2.880
1.6	Đoạn từ hết trụ sở Công an huyện (cũ) (thửa số 242, TBD 17c) đến giáp đường Hùng Vương	2.340
2	Đường Quang Trung	
2.1	Đoạn từ ngã tư Chợ Đạ Tẻh đến hết tiệm Phôtô Hùng (thửa số 1306, TBD 21B)	6.660
2.2	Đoạn từ hết tiệm Phôtô Hùng (thửa số 35, TBD 21d) đến ngã tư Xí nghiệp xây dựng	4.866
3	Đường thôn 7	
3.1	Đoạn từ ngã tư Xí nghiệp xây dựng đến cổng Trường Tiểu học Quang Trung (thửa số 486, TBD 21c)	2.723
3.2	Đoạn từ cổng Trường Tiểu học Quang Trung (thửa số 486, TBD 21c) đến hết nhà ông Chu Quang Diện (thửa số 569, TBD 21)	1.456
3.3	Đoạn từ hết nhà ông Chu Quang Diện (thửa số 2047, TBD 21) đến đường vào Hội trường thôn 3B (thửa số 1098, TBD 25)	1.335
3.4	Từ đường vào Hội trường Thôn 3B (thửa số 1099, TBD 25) đến hết Thôn 7,	760
3.5	Từ ngã ba Nghĩa địa đến hết đất ông Hùng (đường thôn 7 (nhánh 2))	540
4	Đường Phạm Ngọc Thạch	
4.1	Đoạn từ đầu Cầu mới Đạ Tẻh đến hết nhà ông Hoàng Văn Minh (thửa số 263, TBD 21a)	4.500
4.2	Đoạn từ hết nhà ông Hoàng Văn Minh (thửa số 262, TBD 21a) đến hết Công an Phòng cháy chữa cháy (thửa số 201, TBD 16)	3.500
5	Đường Tỉnh lộ 721 (thị trấn Đạ Tẻh cũ)	
5.1	Đoạn từ hết Công an Phòng cháy chữa cháy (thửa số 201, TBD 16) đến cầu Trần	2.893
5.2	Đoạn từ cầu Trần đến cầu Đạ Mí	1.980
6	Đường 30 tháng 4	
6.1	Đoạn từ ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	4.800
6.2	Đoạn từ giáp ngã tư Ngân Hàng đến đường vào thôn 1B và 5B	5.000
6.3	Đoạn từ đường vào thôn 1B và 5B đến ngã ba giáp đường 26 tháng 3	4.500
6.4	Đoạn từ ngã ba giáp đường 26 tháng 3 đến hết nhà ông Phùng Thế Tài (thửa số 254, TBD 18b)	3.000
6.5	Đoạn từ hết nhà ông Phùng Thế Tài (thửa số 255, TBD 18b) đến hết Huyện đội (cũ) (thửa số 450, TBD 10)	2.702
6.6	Đoạn từ giáp Huyện đội (cũ) (thửa số 264, TBD 10) đến cầu suối Đạ Bộ	1.982
7	Đường Nguyễn Đình Chiểu	
7.1	Đoạn từ ngã tư Chợ Đạ Tẻh đến giáp ngã 3 Hội trường thôn 5B (thửa số 247, TBD 20a)	4.160
7.2	Đoạn từ ngã ba Hội trường thôn 5B (thửa số 258, TBD 20a) đến hết đường	3.933
8	Đường 26 tháng 3	
8.1	Từ giáp đường 30 tháng 4 đến ngã tư Hùng Vương (thửa số 121, TBD 18a)	3.680
8.2	Từ ngã tư Hùng Vương (thửa số 110, TBD 18a) đến Kênh Nam	2.040
9	Đường Tỉnh lộ 725: Từ cầu suối Đạ Bộ đến giáp ranh xã Đạ Tẻh 3	1.441
10	Đường Phạm Văn Đồng	
10.1	Đoạn từ ngã ba Hoài Nhơn đến Kênh NN3A	950

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
10.2	Đoạn từ Kênh NN3A đến giáp ranh xã Đa Tềh 3	665
11	Đường đi vào Hội trường thôn 9 (trộn đường)	380
12	Đường Từ cầu Đa Mí đến cống bà Điều (trộn đường)	380
13	Đường vào thôn 8A (thôn Tân Lập cũ) (trộn đường)	285
14	Đường Tuệ Tĩnh (trộn đường)	2.380
15	Đường quanh Chợ Đa Tềh: Từ giáp đường 3 tháng 2 đến giáp đường Quang Trung	4.100
16	Đường Hai Bà Trưng (trộn đường)	2.700
17	Đường Nguyễn Tất Thành (trộn đường)	2.341
18	Đường Lý Thường Kiệt (trộn đường)	1.425
19	Đường Võ Nguyên Giáp (trộn đường)	1.386
20	Đường Trần Hưng Đạo (trộn đường)	1.283
21	Đường Hùng Vương	
21.1	Đoạn từ giáp đường 26 tháng 3 đến đường Phạm Ngọc Thạch	2.040
21.2	Đoạn từ đường 26 tháng 3 đến đường 30 tháng 4	1.632
22	Đường Điện Biên Phủ	
22.1	Đoạn từ giáp đường Phạm Ngọc Thạch đến Kênh mương (đường vào lò gạch)	1.379
22.2	Đoạn từ giáp Kênh mương (đường vào lò gạch) đến giáp đường bê tông thôn 7	1.125
23	Đường Lý Tự Trọng: Từ giáp đường 3 tháng 2 đến giáp đường Ngô Quyền	1.026
24	Đường Ngô Quyền	
24.1	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch (cạnh Công viên cây xanh)	665
24.2	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Ngọc (cạnh Quảng trường)	741
25	Đường thôn 3A: Từ giáp đường Thôn 7 đến hết cổng chùa Khánh Vân	1.140
26	Đường từ giáp đường Quang Trung đến giáp đường Nguyễn Tất Thành (thôn 2C, 2D) (đường cạnh tiệm sửa xe Mạnh Ninh)	1.440
27	Đoạn từ giáp đường 3 tháng 2 đến hết đường (đường cạnh Đài truyền hình)	666
28	Đoạn (đường cạnh trường cấp 3): Từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp đường Công viên cây xanh (đường Lý Tự Trọng)	1.140
29	Đoạn từ giáp đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp kênh NN7 (cạnh Công an phòng cháy chữa cháy)	622
30	Đường Lê Lợi	
30.1	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp đường 30 tháng 4	1.023
30.2	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp hẻm 3 (Công an huyện cũ)	1.330
31	Đường thôn 2D: Từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp đường Nguyễn Tất Thành (hẻm Thành đá cũ) (đường quy hoạch NB-12)	1.330
32	Đường thôn 3A: Từ giáp đường vào thôn 7 đến giáp đường Tuệ Tĩnh (đường quy hoạch NA-1)	608
33	Đường thôn 3A-3C: Từ giáp đường Phạm Ngọc Thạch (ông Tâm) đến hết đường	685
34	Đường thôn 2C-2B: Từ giáp đường Phạm Ngọc Thạch (bà Nhị) đến giáp đường thôn 2C-2B (đường quy hoạch NB-7), (đường sau trường Nguyễn Văn Trỗi cũ)	741
35	Đường thôn 2B: Từ giáp đường Quang Trung (ông Hộ) đến giáp đường đi Hội trường thôn 2B	1.197

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
36	Đường vào Hội trường thôn 2B (đường quy hoạch NB-8): Từ giáp đoạn của quanh chợ Đa Tềh đến giáp đường 2C-2B	799
37	Đường thôn 2A: Từ giáp đường Quang Trung (ông Phiệt) đến bờ kè (hướng đi nhà ông K' Lú) (đường quy hoạch NB1)	544
38	Đường thôn 2A: Từ giáp đường 3 tháng 2 (ông Hai Vận) đến hết đường (đường đối diện đường vào Bến xe cũ)	646
39	Đường quy hoạch NB-2: Từ ngã ba (gần nhà ông K' Lú) đến bờ kè (hướng đi nhà ông Phùng Minh Đức)	544
40	Đường thôn 5A: Từ giáp đường 3 tháng 2 đến hết đất ông Anh (đường vào Bến xe cũ)	760
41	Đường thôn 5A (cạnh nhà bác sĩ Quang): Từ giáp đường 3 tháng 2 đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	685
42	Đường thôn 5A (đường quanh Công ty Thương mại): Từ giáp đường 3 tháng 2 đến giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	1.330
43	Đường thôn 5B: Từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (nhà ông Hoạn) đến hết đất nhà ông Trí	760
44	Đường thôn 5C: Từ giáp đường 30 tháng 4 (nhà khách UB) đến giáp đường thôn 5B,5C (giáp đường Lê Lợi)	762
45	Đường Chu Văn An (trộn đường)	1.254
46	Đường thôn 1A (đường số 4): Từ giáp đường 26 tháng 3 đến giáp mương thủy lợi	855
47	Đường vào Hội trường thôn 4A: Từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp đường Hùng Vương	540
48	Đường thôn 4A-4D: Từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp đường Hội trường 4A (đường cạnh tiệm sửa xe Hoàng)	513
49	Đường thôn 4D (đường vào Trường Nguyễn Du): Từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp đường Hùng Vương	667
50	Đường thôn 4D: Từ giáp đường 30 tháng 4 đến hết đường (hẻm cạnh nhà ông Vũ Thành Nam)	542
51	Đường thôn 5C (đường vào khu nội trú của trường Dân Tộc nội trú), trộn đường (đường quy hoạch ND-6)	1.007
52	Đường thôn 4D	
52.1	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 (hẻm cạnh nhà ông Trịnh Văn Bốn) đến giáp đường đi thôn 4B	381
52.2	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến hết đường (hẻm nhà ông Vũ Duy Hạ)	513
52.3	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến hết đường (hẻm nhà ông Hoàng Hiến)	646
53	Đường thôn 5C	
53.1	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (hẻm cạnh nhà ông Thịnh)	513
53.2	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (hẻm cạnh nhà ông Yên)	500
54	Đường thôn 5C+5B Từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (hẻm cạnh ông Việt xây dựng)	500
55	Đường thôn 5B	
55.1	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến hết đường (hẻm cạnh ông Trang)	501
55.2	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp đường Hai Bà Trưng (hẻm Xuân Ân (ông Hậu))	532

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
55.3	Đoạn từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu đến giáp đường Hai Bà Trưng (hẻm Xuân Ân (ông Quyền))	532
56	Đường thôn 4B	
56.1	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến đường DX-7 (hẻm cạnh nhà ông Soan) (đường quy hoạch DX9)	418
56.2	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến đường DX-7 (hẻm cạnh nhà ông Nguyễn Đình Hồng)	342
56.3	Đoạn từ giáp đường 30 tháng 4 đến đường DX-7 (hẻm cạnh Hội trường 4B cũ)	382
57	Đường thôn 4B: Từ giáp đường 30 tháng 4 đến đường DX-7 (hẻm cạnh nhà ông Viêt Chu)	380
58	Đường hẻm thôn 4A: Từ giáp đường 26 tháng 3 đến hết đường (hẻm vào nhà bà Ngọc phòng Văn hóa)	666
59	Đường hẻm thôn 4B, 10: Từ giáp trường Lê Lợi đến đường Phạm Văn Đồng (đường đi xã Đa Tề 3), cạnh hộ ông Hiếu và hộ ông Điền,	380
60	Đường thôn 4D: Từ giáp đường 30 tháng 4 đến hết đường (hẻm cạnh nhà ông Tuân)	380
61	Đường kênh NN7 (đường quy hoạch N21): Từ đường Hùng Vương đến giáp Kênh Nam	540
62	Đường kênh NN3: Từ giáp đường Hùng vương đến giáp kênh NN4 (đường cạnh nhà ông Nguyễn Minh Phụng)	540
63	Đường Võ Thị Sáu (trộn đường)	760
64	Đường DX7 (đường nhà hàng Tuấn Phát): Từ giáp đường Hùng Vương thửa số 224 (10 d) đến giáp đường DF 2 (thửa số 266, TBD 07)	541
65	Đường hẻm thôn 2D: Từ thửa số 552, TBD 21a đến hết đường (thửa số 461, TBD 21a)	540
66	Đường vào Hội trường thôn 3B: Từ giáp đường thôn 7 đến hết đường NA6	380
67	Đường thôn 7: Từ giáp đường lò gạch (thửa số 962, TBD 22) đến giáp đường thôn 7 (thửa số 518, TBD 25)	380
68	Đường vào Hội trường thôn 3C (đường cạnh quán Những người bạn): Từ giáp đường Phạm Ngọc Thạch đến giáp đường Điện Biên Phủ	540
69	Đường hẻm thôn 10 (cạnh nhà ông Tuyển): Từ giáp đường Phạm Văn Đồng đến hết đường	381
70	Đường hẻm thôn 4B: Từ giáp đường 30 tháng 4 (thửa số 395 và 396, TBD 07) đến giáp đường DX8 (thửa số 372, TBD 07)	380
71	Đường hẻm cạnh trường Lê Lợi (DF1): Từ giáp đường 30 tháng 4 đến giáp Kênh mương	855
72	Đường hẻm thôn 10: Từ giáp đường 30/4 (thửa số 68, TBD 08) đến hết đường	540
73	Đường hẻm thôn 5C (hẻm cạnh Việt Hà): Từ giáp đường Nguyễn Đình Chiểu (thửa số 19, TBD 20a) đến hết đường	381
74	Đường Bờ kè: Từ giáp đường 3 tháng 2 đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.904
75	Đường hẻm Thôn 6A (hẻm cạnh nhà ông Phụ - Thôn trưởng): Từ giáp đường Võ Thị Sáu đến hết đường	1.080
76	Đường hẻm thôn 2B (hẻm cạnh Hội trường thôn 2B): Từ giáp đường nhựa đi Hội trường thôn 2B đến hết đường	1.050
77	Đường hẻm thôn 2C (hẻm vào nhà ông Dương trưởng ban Mặt trận thôn 2C): Từ giáp đường nhựa Nguyễn Tất Thành đến giáp đường nhựa vào hội trường 2B	1.050

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
78	Đường hẻm thôn 2C (hẻm vào nhà ông K' Điệp): Từ giáp đường nhựa Nguyễn Tất Thành đến giáp đường nhựa vào hội trường 2B	1.050
79	Đường hẻm thôn 4B (hẻm cạnh nhà ông Nguyễn Minh Triều, khu dân cư mới gần trường Lê Lợi): Từ giáp đường 30 tháng 4 đến thửa đất 1022, 1034, 1043 (tBĐ 10)	850
80	Đường hẻm thôn 10 (hẻm cạnh nhà ông Võ Văn Nguyệt ngã ba Hoài Nhơn): Từ giáp đường 30 tháng 4 đến hết đường	750
81	Đường hẻm thôn 1A (hẻm cạnh quán Cà phê 12A đường 26 tháng 3): Từ giáp đường 26 tháng 3 đến hết đường	540
82	Đường Tỉnh lộ 721 (xã An Nhơn cũ)	
82.1	Từ cầu Đạ Mí hết ngã ba vào B5: Từ thửa số 1199, TBĐ 68 đến thửa số 941, TBĐ 67),	743
82.2	Từ hết ngã ba B5 (thửa số 1198 TBĐ 68) đến chân dốc Mạ Oi (thửa số 1006, TBĐ 70)	540
83	Đường Hương Thôn (xã An Nhơn cũ)	
83.1	Từ ngã ba B5 (thửa số 1200, TBĐ 68) vào đến cầu B5 (thửa số 12, TBĐ 71)	342
83.2	Từ cầu B5 (thửa số 83, TBĐ 71) đến núi Ép (thửa số 23, TBĐ 73)	342
83.3	Từ ngã ba giáp Tỉnh lộ 721 (thửa số 1143 và 1145, TBĐ 66) vào hồ Đạ Hàm (thửa số 560 và 569, TBĐ 66)	380
83.4	Từ ngã ba Đạ Mí (thửa số 937 và 939, TBĐ 67) vào đến hết phân hiệu Thôn 7 (thửa số 143, TBĐ 75)	342
83.5	Từ hết phân hiệu Thôn 7 An Nhơn (thửa số 143, TBĐ 75) vào hết buôn Tổ Lan	304
83.6	Từ ngã ba Đạ Mí (thửa số 937 và 939, TBĐ 67) đến hết phân hiệu đội 2 (thửa số 1002, TBĐ 67)	228
83.7	Đường bê tông Thôn 6 Từ giáp Tỉnh lộ 721 đi thôn 1 (thửa số 179, TBĐ 72)	228
83.8	Đường giao thông Thôn 8 từ thửa số 1567, TBĐ 75 đến thửa số 1318, TBĐ 75	228
84	Các vị trí còn lại (xã An Nhơn cũ)	
84.1	Đường Từ cầu B5 đến Núi Ép giáp cầu thôn 7 TT Đạ Tẻh - rẽ phải tại thửa 38	181
84.2	Đoạn đường nối tiếp 250m bê tông xi măng đến hết nhà ông Phạm Phú Dược	450
84.3	Đường bê tông xi măng từ phân hiệu thôn 7 (cũ) tiếp giáp đường Thôn 8(cũ) đi ngược ra đường 26 tháng 3 tại cầu sắt nối tiếp	500
84.4	Đường bê tông xi măng Đoạn đường 721 Từ nhà ông Trịnh Văn Minh đến nhà Lộc Văn Máu	600
85	Đường Tỉnh lộ 721 (xã Đạ Lây cũ)	
85.1	Từ dốc Mạ Oi đến đỉnh dốc Bà Gà (thửa số 01, TBĐ 97)	418
85.2	Từ đỉnh dốc Bà Gà (hết thửa số 01, TBĐ 97) đến đỉnh dốc Đạ Hương (thửa số 23 và thửa số 24, TBĐ 100)	376
85.3	Từ đỉnh dốc Đạ Hương (thửa số 11 và 12, TBĐ 100) đến cầu Đạ Lây	500
85.4	Từ cầu Đạ Lây đến giáp ngã ba vào trạm Y tế (thửa số 793, TBĐ 83)	755
85.5	Từ ngã ba trạm Y tế đến đường vào Nhà máy gạch Tâm Hưng Phú (thửa số 845, TBĐ 89)	855
85.6	Từ đường vào Nhà máy gạch Tâm Hưng Phú hết đường vào thôn Thuận Lộc (thửa số 721, TBĐ 89)	692
85.7	Từ hết xưởng dừa Hoa Lâm, hết đường vào thôn Thuận Lộc (thửa số 721, TBĐ 89) đến đường vào xóm Tây (thửa số 68, TBĐ 87)	548
85.8	Từ hết đường vào xóm Tây (thửa số 102, TBĐ 87) đến ranh giới xã Cát Tiên	502
86	Đường Hương Thôn (xã Đạ Lây cũ)	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
86.1	Đường Đội 12: Từ giáp đường ĐT.721 (thửa số 250, TĐĐ 91) đến cầu ông Vạn (thửa số 09 và 08, TĐĐ 102)	266
86.2	Đường Từ cầu ông Vạn (thửa số 238 và 194, TĐĐ 103) đến hết ngã ba Hương Phong (thửa số 25 và 27, TĐĐ 105)	247
86.3	Đường từ hết ngã ba Hương Phong (thửa số 26 và 184, TĐĐ 105) đến Khe Tre (thửa số 33 và 38, TĐĐ 108)	251
86.4	Đường thôn Hương Vân 1 nhánh 1 và nhánh 2 vào đến 200m (từ thửa số 393 và 339, TĐĐ 101 đến thửa số 400 và 119, TĐĐ 101)	229
86.5	Đường thôn Phú Thành (xóm bà Tỷ): từ thửa số 106, TĐĐ 97 đến thửa số 221, TĐĐ 97	185
86.6	Đường xóm thôn Phú Thành: từ thửa số 72, TĐĐ 97 đến thửa số 378, TĐĐ 97	209
86.7	Đường thôn Phú Thành (xóm nông nghiệp): từ thửa số 03 và 04, TĐĐ 99 đến thửa số 90 và 93, TĐĐ 99	171
86.8	Đường thôn Phú Thành (xóm ông Tám): từ thửa số 65 và 72, TĐĐ 100 đến thửa số 96 và 88, TĐĐ 100)	185
86.9	Đường thôn Sơn Thủy (xóm ông Sữ): từ thửa số 225 và 104, TĐĐ 102 đến thửa số 111 và 116, TĐĐ 102	185
86.10	Đường thôn Hương Vân (xóm ông Cao): từ thửa số 120 và 122, TĐĐ 87 đến thửa số 31 và 41, TĐĐ 87)	228
86.11	Đường thôn Sơn Thủy (xóm 1): từ thửa số 101 và 206, TĐĐ 103 đến thửa số 185 và 246, TĐĐ 103)	185
86.12	Đường thôn Sơn Thủy (xóm 2): từ thửa số 175, TĐĐ 103 đến thửa số 176, TĐĐ 103	185
86.13	Từ đường ĐT.721 vào hết Trạm Y tế (thửa số 170, TĐĐ 83)	228
86.14	Từ đường ĐT.721 vào đến giáp Nhà máy điều (thửa số 149, TĐĐ 83)	181
86.15	Từ đường ĐT.721 đường thôn Phú Bình (Liên Phú) (thửa số 33, TĐĐ 83) vào đến 300m (thửa số 527, TĐĐ 83)	304
86.16	Từ đường thôn Phú Bình (Liên Phú) (thửa số 527, TĐĐ 83) đến đoạn còn lại (thửa số 177, TĐĐ 85)	251
86.17	Từ đường ĐT.721, thôn Vĩnh Phước (thửa số 774, TĐĐ 89) vào đến 300m (thửa số 865, TĐĐ 89)	304
86.18	Đường thôn Vĩnh Phước đoạn còn lại từ thửa số 865, TĐĐ 89 đến thửa số 22, TĐĐ 92	240
86.19	Từ đường ĐT.721 thôn Hương Thuận (thửa số 10, TĐĐ 83) vào đến 300m (thửa số 233, TĐĐ 83)	285
86.20	Đường thôn Hương Thuận đoạn còn lại từ thửa số 233, TĐĐ 83 đến thửa số 267, TĐĐ 83	228
86.21	Từ đường ĐT.721 thôn Thuận Lộc (thửa số 153, TĐĐ 86) vào đến 300m (thửa số 372, TĐĐ 86)	285
86.22	Thôn Thuận Lộc đoạn còn lại từ thửa số 372, TĐĐ 86 đến thửa số 44, TĐĐ 85	251
86.23	Đường thôn Vĩnh Phước từ thửa số 38, TĐĐ 86 đến hết thửa số 409, TĐĐ 91	274
86.24	Từ đường ĐT.721 thôn Phú Bình (thửa số 42, TĐĐ 83) vào đến 200m (thửa số 486, TĐĐ 83)	285
86.25	Từ đường ĐT.721 thôn Phú Bình (thửa số 788, TĐĐ 89) đến đường thôn Vĩnh Phước (thửa số 682, TĐĐ 89)	285
86.26	Đường thôn Lộc Hòa (xóm 1) đến hết thửa số 180, TĐĐ 86)	266
86.27	Đường thôn Thuận Lộc, từ thửa số 318, TĐĐ 85 đến hết thửa số 10, TĐĐ 85	209
86.28	Đường thôn Thuận Lộc, từ thửa số 319, TĐĐ 85 đến hết thửa số 64, TĐĐ 85	209

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
86.29	Đường thôn Vĩnh Phước, từ thửa số 309, TĐĐ 89 đến hết thửa số 250, TĐĐ 89	209
87	Đường còn lại (xã Đa Lây cũ)	
87.1	Đường xóm khu vực nhà ông Nguyễn Ngọc Nhân thôn Hương Thanh: Từ giáp đường nhựa Đồi 12 (nhà ông Trần Văn Nhiêm) đến hết nhà ông Trần Văn Anh	350
87.2	Đường từ giáp đường ĐT.721 nhà ông Nông Ngọc Phan đến hết nhà ông Nông Văn Tư	350
87.3	Đường xóm ông Trương, thôn Lộc Hoà nối tiếp đến điểm cuối hết đất nhà ông Đỗ Sơn Lâm	350

2. Đất thương mại, dịch vụ (TMDV); đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (CSSXPNN); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (HĐKS):

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất TMDV	Giá đất CSSXPNN	Giá đất HĐKS
1	Đường 3 tháng 2			
1.1	Đoạn từ cầu sắt Đa Tẻ đến hết đường vào Bến xe cũ (thửa số 130, TĐĐ 21d)	2.142	1.989	2.142
1.2	Đoạn từ hết đường vào Bến xe cũ (thửa số 129, TĐĐ 21d) đến ngã tư chợ Đa Tẻ	2.618	2.431	26.18
1.3	Đoạn từ ngã tư Chợ Đa Tẻ đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp	4.200	3.900	4.200
1.4	Đoạn từ ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp đến hết đường vào thôn 1C (hẻm 1) (thửa số 240, TĐĐ 21b)	2.573	2.389	2.573
1.5	Đoạn từ hết đường vào thôn 1C (hẻm 1) (thửa số 194, TĐĐ 21b) đến hết trụ sở Công an huyện (cũ) (thửa số 223, TĐĐ 17c)	2.016	1.872	2.016
1.6	Đoạn từ hết trụ sở Công an huyện (cũ) (thửa số 242, TĐĐ 17c) đến giáp đường Hùng Vương	1.638	1.521	1.638
2	Đường Quang Trung			
2.1	Đoạn từ ngã tư Chợ Đa Tẻ đến hết tiệm Phôtô Hùng (thửa số 1306, TĐĐ 21B)	4.662	4.329	4.662
2.2	Đoạn từ hết tiệm Phôtô Hùng (thửa số 35, TĐĐ 21d) đến ngã tư Xí nghiệp xây dựng	3.406	3.163	3.406
3	Đường thôn 7			
3.1	Đoạn từ ngã tư Xí nghiệp xây dựng đến cổng Trường Tiểu học Quang Trung (thửa số 486, TĐĐ 21c)	1.906	1.770	1.906
3.2	Đoạn từ cổng Trường Tiểu học Quang Trung (thửa số 486, TĐĐ 21c) đến hết nhà ông Chu Quang Diện (thửa số 569, TĐĐ 21)	1.019	946	1.019
3.3	Đoạn từ hết nhà ông Chu Quang Diện (thửa số 2047, TĐĐ 21) đến đường vào Hội trường thôn 3B (thửa số 1098, TĐĐ 25)	935	868	935
3.4	Từ đường vào Hội trường Thôn 3B (thửa số 1099, TĐĐ 25) đến hết Thôn 7,	532	494	532